

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 39/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Điều 3 Luật số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP) như sau:

1. Sửa đổi Điểm c Khoản 15 Điều 53 như sau:

“Điều 53. Quy định chung về thủ tục trình khen thưởng

15.

c) Khi có văn bản xin ý kiến của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện), cơ quan được xin ý kiến có trách nhiệm trả lời. Sau 10 ngày làm việc, nếu

không có ý kiến trả lời, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương sẽ tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.”

2. Sửa đổi Khoản 16 Điều 53 như sau:

“16. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tập thể lao động xuất sắc và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ các nội dung sau:

- a) Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;
- b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;
- c) Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

Việc thẩm định mức độ hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước do cấp Bộ, cấp tỉnh lấy ý kiến của cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực đối với kết quả thẩm định.”

3. Sửa đổi Khoản 18 Điều 53 như sau:

“18. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 10 ngày làm việc (20 ngày làm việc đối với trường hợp phải lấy ý kiến hiệp ý), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Việc xem xét hồ sơ đề nghị tặng danh hiệu Anh hùng được thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

- a) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tại cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương:

Đối với hình thức khen thưởng thường xuyên thuộc thẩm quyền quyết định của cấp xã, cấp huyện: cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- b) Thời gian thẩm định hồ sơ khen thưởng tại cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của cấp bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan thi đua, khen thưởng thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình cấp có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Đối với việc trình khen thưởng thường xuyên cấp Nhà nước, trong thời hạn 20 ngày làm việc (30 ngày làm việc đối với các hình thức khen thưởng: "Huân chương Độc lập", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Sao vàng"; danh hiệu Anh hùng, danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam Anh hùng"; danh hiệu Nhà giáo, Thầy thuốc,

Nghệ sĩ, Nghệ nhân; "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", "Chiến sỹ thi đua toàn quốc"), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng kiểm toán nhà nước, lãnh đạo cơ quan trung ương của đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

c) Thời gian thông báo, trả kết quả khen thưởng:

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thông báo và trả kết quả khen thưởng cho đơn vị trình khen thưởng.

Sau khi nhận được thông báo, quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, cơ quan trình khen thưởng thông báo và trả kết quả khen thưởng cho các trường hợp được khen thưởng.

4. Sửa đổi Khoản 21 Điều 53 như sau:

“21. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản đề nghị của Thủ tướng Chính phủ và hồ sơ theo quy định, Văn phòng Chủ tịch nước trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định khen thưởng.”

5. Bổ sung Khoản 23 Điều 53 như sau:

“23. Tập thể, cá nhân làm 01 báo cáo thành tích và hồ sơ có liên quan theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Nghị định này để nộp cơ quan, tổ chức quyết định khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng. Khi trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ban, ngành, các cơ quan, tổ chức ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi các file điện tử của hồ sơ trình (ở định dạng.doc đối với các tờ trình, danh sách, báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân được đề nghị, ở định dạng.pdf đối với các hồ sơ khác có liên quan) đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước. Thẩm định xong, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương gửi hồ sơ khen thưởng bằng văn bản và bản điện tử của toàn bộ hồ sơ khen thưởng đến Văn phòng Chính phủ.”

6. Sửa đổi Khoản 3 Điều 54 như sau:

“Điều 54. Thủ tục xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”

3. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” của Bộ, ban, ngành, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”; trong báo cáo thành tích phải nêu rõ nội dung đề tài, sáng kiến, các giải pháp trong công tác và quản lý đem lại hiệu quả thiết thực và trích lục ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp sáng kiến, giải pháp, đề tài đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì gửi kèm bản sao giấy chứng nhận thay cho ý kiến xác nhận của Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Cá nhân là thủ trưởng đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này (tức là Khoản 16 Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định này);

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các trường hợp đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc” phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên.”

7. Bổ sung Khoản 4 Điều 54 như sau:

“4. Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và toàn bộ hồ sơ có liên quan quy định tại Khoản 6 Điều này (tức là Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định này).”

8. Sửa đổi Khoản 1 Điều 55 như sau:

“Điều 55. Thủ tục xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua các cấp và danh hiệu thi đua khác

1. Các danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương”, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được xét tặng hàng năm. Thủ tục, hồ sơ xét tặng các danh hiệu trên đây thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 84 Luật Thi đua, khen thưởng.”

9. Bổ sung Khoản 3 Điều 55 như sau:

“3. Hồ sơ đề nghị xét tặng Cờ thi đua, “Chiến sỹ thi đua cơ sở”, mỗi danh hiệu gồm 01 bộ hồ sơ (bản chính), gồm có:

- a) Văn bản đề nghị khen thưởng của cấp trình khen thưởng;
- b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;
- c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen thưởng.”

10. Sửa đổi Khoản 5 Điều 56 như sau:**“Điều 56. Hồ sơ, thủ tục xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”**

5. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” gồm 02 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình (kèm theo danh sách tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”) của Bộ, ban, ngành, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Báo cáo thành tích của tập thể được đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”;

c) Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

11. Bổ sung Khoản 7 Điều 56 như sau:

“7. Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 01 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan quy định tại Khoản 10 Điều này (tức là Khoản 5 Điều 56 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định này).”

12. Sửa đổi Khoản 4 Điều 57 như sau:**“Điều 57. Hồ sơ, thủ tục xét tặng Huân chương các loại**

4. Hồ sơ đề nghị tặng Huân chương các loại, mỗi loại 03 bộ (bản chính), gồm có:

a) Tờ trình của Bộ, ban, ngành, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan Trung ương của các đoàn thể, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

b) Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng;

c) Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.”

13. Sửa đổi Khoản 5 Điều 57 như sau:

“5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng cho người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài gồm 03 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và báo cáo thành tích cá nhân do cơ quan trình khen thưởng thực hiện.”

14. Bổ sung Khoản 6 Điều 57 như sau:

“6. Hồ sơ Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ gồm 02 bộ (bản chính), gồm có: Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ (kèm theo danh sách) và hồ sơ có liên quan quy định tại các Khoản 12 và 13 Điều này (tức là các Khoản 4 và 5 Điều 57 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định này).”